

Số: 95 /2021 /QĐST- HNGĐ

*Triệu Sơn, ngày 4 tháng 5 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 107/2021/TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Kim T, sinh năm 1962.

Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Vân Sơn, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 04 năm 2021.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 04 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Nguyên đơn: Anh Lê Kim T, sinh năm 1962.

Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1963

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Kim T và chị Lê Thị N.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 04 người con chung gồm: Lê Thị T1, sinh năm 1985; Lê Thị S, sinh năm 1987; Lê Kim T2, sinh năm 1989 và Lê Kim T3, sinh năm 1994. Hiện nay những người con chung của anh T, chị N đã trưởng

thành, lập gia đình và có cuộc sống ổn định, nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và phần nợ:* Vợ chồng anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

- *Về án phí:* Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, anh T nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) anh T đã nộp theo biên lai số AA/2019/0013583 ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại cho anh T 150.000đ án phí.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận***

- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu S
- UBND xã Vân Sơn.
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thủy**

